

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Cà Mau

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 13 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 8 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 234/TTr-SNN ngày 5/7/2011 về việc đề nghị ban hành Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Cà Mau và Báo cáo thẩm định số 107/BC-STP ngày 24/6/2011 của Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Cà Mau”.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thành phố và các sở, ngành có liên quan triển khai thực hiện, báo cáo về UBND tỉnh theo định kỳ và đột xuất.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, tách thửa được hiểu là việc tách một thửa đất thành nhiều thửa đất theo yêu cầu của quản lý hoặc yêu cầu của người sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Quy định diện tích tối thiểu được tách thửa đối với từng loại đất

1. Đối với đất phi nông nghiệp khi chia tách thửa thì diện tích thửa đất còn lại và thửa đất mới hình thành được quy định cụ thể như sau:

a) Khu vực các phường và thị trấn: diện tích tối thiểu là 36 m², có bề rộng và chiều sâu so với chỉ giới xây dựng tối thiểu là 4 m.

b) Khu vực các xã: diện tích tối thiểu là 50 m², có bề rộng và chiều sâu so với chỉ giới xây dựng tối thiểu là 4 m.

c) Đối với trường hợp có dự án đầu tư, diện tích tối thiểu được tách thửa phải căn cứ vào dự án đầu tư đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp thuận đầu tư.

2. Đối với đất nông nghiệp khi chia tách thửa thì diện tích tối thiểu của thửa đất còn lại và thửa đất mới hình thành được quy định cụ thể như sau:

a) Khu vực phường và thị trấn: 300 m²;

b) Khu vực các xã: 500 m².

Điều 5. Một số quy định cụ thể về diện tích tối thiểu được tách thửa và việc cấp Giấy chứng nhận cho thửa đất có diện tích nhỏ hơn diện tích tối thiểu

1. Thửa đất đang sử dụng đã hình thành trước ngày 15 tháng 01 năm 2010 (ngày Quyết định số 01/2010/QĐ-UBND của UBND tỉnh có hiệu lực thi hành) có diện tích nhỏ hơn diện tích tối thiểu được tách thửa đã được quy định tại Quyết định số 01/2010/QĐ-UBND thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nếu có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đất đai.

Đối với các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho hoặc góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 đến trước ngày 15 tháng 01 năm 2010 thì phải có hợp đồng hoặc văn bản về giao dịch đó có chữ ký của các bên có liên quan và phải được UBND xã, phường, thị trấn chứng nhận hoặc Phòng Công chứng chứng nhận tại thời điểm giao dịch.

2. Trường hợp người sử dụng đất có nhu cầu tách thửa đất thành nhiều thửa đất có diện tích nhỏ hơn diện tích tối thiểu, đồng thời với việc hợp các thửa đất đó với các thửa đất khác liền kề để tạo thành thửa đất mới thì được phép tách thửa đồng thời với việc hợp thửa và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa mới.

3. Đối với đất nông nghiệp thuộc vùng đã có quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị hoặc quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn thì thửa đất còn lại và thửa đất mới hình thành sau khi tách thửa phải thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Quy định này; trường hợp thửa đất còn lại và thửa đất mới hình thành sau khi tách thửa có diện tích nhỏ hơn diện tích tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 4 của Quy định này phải thực hiện đồng thời với việc chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở theo đúng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Đối với thửa đất gồm có đất ở gắn liền với đất nông nghiệp trong phạm vi địa giới hành chính phường, trong khu dân cư thuộc thị trấn, khu dân cư nông thôn thì việc tách thửa được quy định cụ thể như sau:

a) Thửa đất còn lại hoặc thửa đất mới được hình thành sau khi tách thửa chỉ có một loại đất ở hoặc đất nông nghiệp thì phải có diện tích tối thiểu theo quy định tại Điều 4 của Quy định này; trường hợp thửa đất nông nghiệp có diện tích nhỏ hơn diện tích tối thiểu thì phải thực hiện đồng thời với việc chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở, diện tích đất ở tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Quy định này.

b) Thửa đất còn lại và thửa đất mới được hình thành sau khi chia tách thửa gồm có đất ở gắn với đất nông nghiệp thì không quy định diện tích tối thiểu đối với đất nông nghiệp nhưng diện tích tối thiểu đối với đất ở phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Quy định này; trường hợp diện tích đất ở của thửa đất còn lại hoặc thửa đất mới được hình thành sau khi tách thửa nhỏ hơn diện tích tối thiểu thì phải thực hiện đồng thời với việc chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở để bảo đảm diện tích tối thiểu đối với đất ở theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Quy định này.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Xử lý những vấn đề phát sinh khi ban hành Quy định

Thửa đất được hình thành từ ngày 15 tháng 01 năm 2010 đến trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành nếu có đủ điều kiện theo quy định tại Quyết định số 01/2010/QĐ-UBND và quy định của pháp luật đất đai thì được tách thửa và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước

1. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Cà Mau chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Cục thuế Cà Mau hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc tổ chức thực hiện Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Cà Mau phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Dương Tiến Dũng

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Cà Mau; các tổ chức cá nhân và các hộ gia đình có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ TP);
- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- Kho bạc Nhà nước;
- UBND các huyện, TP Cà Mau;
- Website tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- CV: NN, TS;
- Lưu: VT, Mi10/8.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Dương Tiến Dũng

QUY ĐỊNH

Nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Cà Mau

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 11/2011/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Cà Mau, bao gồm: sản xuất, chế biến, bảo quản, tiêu thụ, dịch vụ trong nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, ngư nghiệp, thủy nông, cơ điện nông nghiệp, ngành nghề nông thôn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Áp dụng theo Điều 2 Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông.

Điều 3. Nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động khuyến nông

Áp dụng theo Điều 3 Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 4. Nguyên tắc sử dụng kinh phí khuyến nông

1. Kinh phí khuyến nông hàng năm ưu tiên cho các lĩnh vực thuộc kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp đã được phê duyệt và được phân khai cho lĩnh vực khuyến nông. Việc xét chọn lĩnh vực ưu tiên do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định và chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng kinh phí khuyến nông.

2. Dự án khuyến nông thực hiện theo phương thức xét chọn hoặc đấu thầu các tổ chức, cá nhân làm công tác khuyến nông. Mọi tổ chức khuyến nông, người hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau được tham gia đăng ký xét chọn và thực hiện các dự án khuyến nông khi được chỉ định.

3. Các tổ chức, đơn vị được giao kinh phí thực hiện hoạt động khuyến nông phải công khai chế độ, định mức, tiêu chuẩn kinh phí cho các đối tượng hưởng thụ theo quy định hiện hành. Việc sử dụng kinh phí khuyến nông phải đúng mục đích, đúng chế độ, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện quyết toán kinh phí đã sử dụng theo quy định hiện hành.

Chương II

NỘI DUNG CHI VÀ MỨC HỖ TRỢ KINH PHÍ KHUYẾN NÔNG

Điều 5. Nội dung chi

a) Đối tượng:

Thực hiện theo mục 1.1, khoản 1 Điều 5 Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Nội dung chi tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo, gồm:

Thực hiện theo mục 1.2, khoản 1 Điều 5 Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 6. Mức hỗ trợ

1. Chi tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo:

a) Đối với người sản xuất:

Mức chi tại tiết (1), (2), (3), điểm a, mục 1.3, khoản 1 Điều 5 Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Đối với người hoạt động khuyến nông khi tham gia bồi dưỡng tập huấn và đào tạo:

Mức chi tại tiết (1), (2), điểm b, mục 1.3, khoản 1 Điều 5 Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

c) Chi bồi dưỡng giảng viên:

Thực hiện theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án: “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”.

2. Chi thông tin tuyên truyền:

Nhà nước hỗ trợ kinh phí thông tin tuyên truyền về hoạt động khuyến nông cho các tổ chức, cá nhân có dự án thông tin tuyên truyền được cấp có thẩm quyền phê duyệt để phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác khuyến nông; phổ biến tiến bộ khoa học và công nghệ, kết quả mô hình trình diễn, điển hình tiên tiến thông qua các hình thức:

a) Phương tiện thông tin đại chúng, tài liệu khuyến nông, Tạp chí khuyến nông:

Hàng năm, căn cứ nhu cầu và khả năng kinh phí khuyến nông dành cho công tác tuyên truyền, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng chương trình tuyên truyền về hoạt động khuyến nông trên các phương tiện thông tin đại chúng, tài liệu khuyến nông, Tạp chí khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện theo phương thức đấu thầu hoặc đặt hàng.

Đối với Tạp chí khuyến nông: Căn cứ nhu cầu thông tin trên Tạp chí khuyến nông, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt đối tượng và kinh phí đặt hàng Tạp chí khuyến nông từ nguồn kinh phí khuyến nông cấp tỉnh, cung cấp cho các cơ quan quản lý nhà nước về khuyến nông; đơn vị sự nghiệp cung cấp dịch vụ khuyến nông do cấp tỉnh quản lý.

b) Diễn đàn khuyến nông: Chi thuê hội trường; tài liệu; tiền nước uống; báo cáo viên; hỗ trợ ăn, ở, đi lại cho đại biểu tham gia diễn đàn.

Mức hỗ trợ đại biểu tham gia diễn đàn theo quy định điểm a, điểm b, mục 1. 3, khoản 1 Điều 5 Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Mức chi nước uống, báo cáo viên thực hiện theo quy định hiện hành về chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Hội nghị: Đối với hội nghị tổng kết khuyến nông, hội nghị giao ban khuyến nông vùng, mức chi theo quy định hiện hành.

d) Chi hội chợ triển lãm hàng nông nghiệp Việt Nam cấp vùng, cấp quốc gia:

Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng trên cơ sở giá đấu thầu. Trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì chi theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

Chi thông tin tuyên truyền hội chợ, chi hoạt động của Ban tổ chức.

đ) Chi hội thi về các hoạt động khuyến nông cấp vùng, cấp quốc gia: Thông tin, tuyên truyền, thuê hội trường, trang thiết bị, văn phòng phẩm; chi ban giám khảo chấm thi; chi hội đồng tư vấn khoa học, soạn câu hỏi và đáp án; chi khai mạc, bế mạc, chi thức ăn, hóa chất, vật tư, dụng cụ phục vụ cuộc thi (nếu có); chi đạo diễn và biên tập chương trình thi; chi hỗ trợ đưa đón thí sinh dự thi và chi khác;

e) Xây dựng và quản lý dữ liệu hệ thống thông tin khuyến nông: Chi thuê đường truyền, mua phần mềm, cập nhật số liệu, bảo trì, bảo mật và các khoản chi khác (nếu có).

3. Chi xây dựng các mô hình trình diễn về khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau:

a) Nội dung:

Áp dụng theo điểm a, điểm b, điểm c, mục 3.1, khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Mức hỗ trợ:

- Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn để phổ biến và nhân rộng những tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất.

Mức hỗ trợ theo tiết (1), (2), (3), (4), (5), điểm a, mục 3.2, khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn.

Mức hỗ trợ theo điểm b, mục 3.2, khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Chi triển khai mô hình trình diễn

Mức hỗ trợ theo điểm c, mục 3.2, khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Chi nhân rộng mô hình, điển hình sản xuất tiên tiến ra diện rộng:

Mức hỗ trợ theo khoản 4 Điều 5 Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5. Chi mua bản quyền tác giả, mua công nghệ mới gắn với chương trình, dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

6. Biên soạn và in giáo trình, tài liệu mẫu để hướng dẫn, đào tạo, tư vấn khuyến nông, áp dụng theo quy định tại Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17/6/2009 của Bộ Tài chính quy định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp.

7. Chi thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông; thuê chuyên gia đánh giá hoạt động khuyến nông:

a) Căn cứ mức độ cần thiết và khả năng kinh phí, Thủ trưởng đơn vị được giao chủ trì thực hiện chương trình, dự án khuyến nông quyết định lựa chọn thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài; hình thức thuê (theo thời gian hoặc theo sản phẩm) cho phù hợp. Mức chi theo hợp đồng thực tế thỏa thuận với chuyên gia bảo đảm phù hợp giữa yêu cầu của công việc và trình độ của chuyên gia (đối với mức thuê chuyên gia từ 1.000 USD/người/tháng trở lên, do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định).

b) Trường hợp phải thuê chuyên gia có kinh nghiệm trong nước và nước ngoài để đánh giá hoạt động khuyến nông, căn cứ mức độ cần thiết và khả năng kinh phí, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh quyết định hình thức thuê (theo thời gian hoặc theo sản phẩm) cho phù hợp. Mức chi theo hợp đồng thực tế thỏa thuận với chuyên gia bảo đảm phù hợp giữa yêu cầu công việc và trình độ của chuyên gia.

Nguồn kinh phí chi thuê chuyên gia đánh giá hoạt động khuyến nông từ nguồn hỗ trợ xây dựng các chương trình dự án, kiểm tra, giám sát đánh giá được quy định tại khoản 10 Điều 5 Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

8. Chi tham quan, học tập trong nước, nước ngoài:

a) Chi tham quan học tập trong nước: Mức chi theo quy định hiện hành;

b) Chi tham quan học tập nước ngoài: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét về thời gian, số lượng, thành phần báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

9. Mua sắm trang thiết bị phục vụ trực tiếp cho các hoạt động khuyến nông được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Việc mua sắm trang thiết bị thực hiện theo quy định hiện hành.

10. Chi quản lý chương trình, dự án khuyến nông trên địa bàn tỉnh:

Mức hỗ trợ theo điểm a, điểm b, khoản 10, Điều 5 Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

11. Chi khác phục vụ hoạt động khuyến nông (nếu có).

Điều 7. Điều kiện để thực hiện các mô hình trình diễn khuyến nông; điều kiện tham gia triển khai các chương trình, dự án khuyến nông

1. Điều kiện người sản xuất được hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn:

Thực hiện theo khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Điều kiện đơn vị tham gia thực hiện triển khai chương trình, dự án khuyến nông.

Thực hiện theo khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 8. Lập, chấp hành và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước.

Việc lập, chấp hành và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Quy định này hướng dẫn cụ thể một số nội dung như sau:

1. Lập dự toán: Hàng năm, căn cứ vào Thông tư hướng dẫn lập dự toán ngân sách và các văn bản hướng dẫn của Sở Tài chính.

- Kinh phí khuyến nông: Căn cứ số kiểm tra được cấp có thẩm quyền thông báo, định mức kinh tế kỹ thuật và mức chi do UBND tỉnh quy định, Sở Nông nghiệp và PTNT lập dự toán kinh phí khuyến nông, để tổng hợp vào dự toán của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, gửi Sở Tài chính để tổng hợp vào dự toán ngân sách chung của tỉnh, báo cáo UBND tỉnh theo quy định hiện hành.

- Dự toán kinh phí khuyến nông phải lập theo từng chương trình, dự án và chi tiết theo nội dung chi do UBND tỉnh quy định tại Điều 5, Điều 6 của Quy định này.

2. Phân bổ và giao dự toán:

a) Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, căn cứ kết quả xét chọn, hoặc đấu thầu dự án khuyến nông, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập phương án phân bổ kinh phí khuyến nông cho các đơn vị dự toán trực thuộc được xét chọn hoặc trúng thầu các dự án khuyến nông thực hiện.

b) Đối với các đơn vị không trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được xét chọn hoặc trúng thầu các dự án khuyến nông, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trực tiếp cấp kinh phí, ký hợp đồng và theo dõi thực hiện.

Phương án phân bổ kinh phí khuyến nông chi tiết theo chương trình, dự án; gửi Sở Tài chính thẩm tra theo quy định.

c) Sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Tài chính về phương án phân bổ dự toán, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao dự toán kinh phí khuyến nông cho các đơn vị dự toán trực thuộc (gồm: đơn vị được xét chọn hoặc trúng thầu các dự án khuyến nông thực hiện và đơn vị được giao ký hợp đồng khuyến nông); đồng gửi Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước cùng cấp, Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch, chi tiết theo chương trình, dự án để phối hợp thực hiện.

d) Đối với việc lập, phân bổ, giao dự toán kinh phí khuyến nông cho cấp huyện, thành phố, do Chủ tịch UBND huyện, thành phố quy định phù hợp với tổ chức khuyến nông địa phương.

3. Chấp hành dự toán

Thực hiện theo khoản 3 Điều 8 Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2011 của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Quyết toán kinh phí khuyến nông

a) Báo cáo quyết toán: Các đơn vị được giao dự toán kinh phí khuyến nông lập báo cáo quyết toán theo đúng mẫu biểu, thời hạn nộp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Báo cáo quyết toán kèm theo danh mục các chương trình, dự án đã được giao trong năm, thực hiện quyết toán chi tiết theo nội dung chi của Quy định này.

b) Xét duyệt và thẩm định báo cáo quyết toán: Việc xét duyệt và thẩm định quyết toán kinh phí khuyến nông hàng năm thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về hướng dẫn xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán năm đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm xét duyệt quyết toán năm cho các đơn vị dự toán trực thuộc theo quy định;

Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định quyết toán kinh phí hành chính, sự nghiệp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, bao gồm cả kinh phí khuyến nông của tỉnh.

Chương III **QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN; CHẾ ĐỘ** **THANH TRA, KIỂM TRA; THÔNG TIN BÁO CÁO**

Điều 9. Công tác thanh tra, kiểm tra, báo cáo

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế có trách nhiệm phối hợp với cơ quan Tài chính cùng cấp kiểm tra định kỳ, đột xuất tình hình thực hiện chương trình, dự án khuyến nông, bảo đảm việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến nông đúng mục đích, có hiệu quả.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đánh giá, định kỳ báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh việc thực hiện các chương trình, dự án khuyến nông trong phạm vi tỉnh.

Điều 10. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước tham gia hoạt động về công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành và các cơ quan chức năng có liên quan. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của Quyết định này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quy định này. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm tổ chức triển khai cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động khuyến nông. Thủ trưởng các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo các bộ phận trực thuộc tuyên truyền nội dung Quy định này, để mọi người biết và chấp hành.

Điều 12. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân có hoạt động về công tác khuyến nông thực hiện đúng Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính để nghiên cứu trình UBND tỉnh sửa đổi cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Dương Tiến Dũng